



Một số hợp chất phân lập từ phân đoạn dịch chiết ethylacetat phần trên mặt đất của cây Chua me đất hoa vàng (*Oxalis corniculata* L.)

Vũ Đức Lợi^{1,*}, Đặng Thị Quỳnh Nga¹, Đỗ Thị Mai Hương², Nguyễn Quốc Huy²

¹Khoa Y Dược, Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

²Trường Đại học Dược Hà Nội, 13-15 Lê Thánh Tông, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 14 tháng 4 năm 2018

Chỉnh sửa ngày 28 tháng 4 năm 2018; Chấp nhận đăng ngày 12 tháng 6 năm 2018

Tóm tắt: Từ phân đoạn dịch chiết ethylacetat phần trên mặt đất của cây Chua me đất hoa vàng thu hái ở tỉnh Hà Tĩnh và bằng phương pháp sắc ký cột đã phân lập được 3 hợp chất. Cấu trúc hóa học của các hợp chất này được xác định bằng phương pháp phổ như: phổ khối, phổ cộng hưởng từ hạt nhân. Các chất được xác định là: acid eburicoic (1), 24-methylenecholest-4-en-3 β ,6 β -diol (2), 3 β -hydroxylanosta-8,24-dien-21-oic acid (3). Các hợp chất này lần đầu tiên được phân lập từ phần trên mặt đất của cây Chua me đất hoa vàng.

Từ khóa: *Oxalis corniculata*, eburicoic, 24-methylenecholest-4-en-3 β ,6 β -diol, 3 β -hydroxylanosta-8,24-dien-21-oic.

1. Đặt vấn đề

Trên thế giới, chi *Oxalis* (họ Oxalidaceae) bao gồm hơn 900 loài, phân bố ở vùng nhiệt đới và cận nhiệt đới [1]. Hiện nay, ở Việt Nam phát hiện có 4 loài thuộc chi *Oxalis*, bao gồm: Chua me núi (*Oxalis acetosella* L.), Chua me đất hoa hồng (*Oxalis corymbosa* DC.), Chua me đất hoa vàng (*Oxalis corniculata* L.) và Me đất đỏ (*Oxalis deppei* Sw.), trong đó có 3 loài được dùng làm thuốc. Cây Chua me đất hoa vàng là loài phổ biến nhất [2]. Một số nghiên cứu cho thấy cây Chua me đất có chứa nhóm chất như

flavonoid, tanin, ...[1, 3] và có tác dụng chống oxy hóa, chống viêm [4]. Cho đến nay, các công trình nghiên cứu đã công bố về thành phần hóa học, tác dụng sinh học của cây Chua me đất hoa vàng ở Việt Nam cũng như trên thế giới còn khá ít. Bài báo này trình bày một số kết quả nghiên cứu về thành phần hóa học góp phần bổ sung thêm dữ liệu về cây chua me đất hoa vàng và hướng nghiên cứu tác dụng sinh học của cây này.

2. Nguyên liệu và phương pháp nghiên cứu

2.1. Nguyên liệu

Cây Chua me đất hoa vàng được thu hái vào tháng 7 năm 2016 tại xã Cẩm Sơn, huyện Cẩm

* Tác giả liên hệ. ĐT.: 84-917879959.

Email: Ducloi82@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1132/vnumps.4112>

Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh, phần trên mặt đất của cây được phơi sấy khô, bảo quản trong túi nilon kín. Mẫu thực vật (số hiệu: Vũ Đức Lợi 11) đã được Viện Tài nguyên sinh vật, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam liệu giám định tên khoa học là: *Oxalis corniculata* L., họ Chua me đất (Oxalidaceae), mẫu cũng đang được lưu giữ tại Khoa Y Dược, ĐHQGHN.

2.2. Hóa chất, thiết bị

- Sắc ký lớp mỏng: sử dụng bản mỏng nhôm tráng sẵn silicagel 60 F₂₅₄ Merck, độ dày 0,2mm. Sau khi triển khai sắc ký, bản mỏng được kiểm tra bằng đèn tử ngoại ở bước sóng 254, 365nm sau đó hiện màu bằng thuốc thử là dung dịch H₂SO₄ 10% trong ethanol.

- Sắc ký cột: sắc ký cột sử dụng silicagel cỡ hạt 0.063-0.200mm (Merck) và cỡ hạt 0,040-0,063 mm (Merck) với các loại cột sắc ký có kích cỡ khác nhau. Cột sephadex LH-20.

- Phổ cộng hưởng từ hạt nhân NMR được ghi trên máy Bruker Avance 500MHz tại Viện Hóa học, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

- Phổ khối ESI-MS đo trên máy Varian Agilent 1100 LC-MSD tại Viện Hóa học, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

- Đo nhiệt độ nóng chảy trên máy SMP10 BioCote tại Khoa Y Dược, ĐHQGHN.

2.3. Phương pháp chiết xuất và phân lập

Phần trên mặt đất của cây chua me đất được phơi sấy khô, nghiền thành bột (2,4 kg), ngâm chiết trong methanol (8,0 lít × 3 lần). Dịch chiết methanol sau đó được quay cất loại dung môi dưới áp suất giảm thu được 196 g dịch cô. Lấy 176 g dịch cô này hoà vào 1,5 lít hỗn hợp MeOH : H₂O (1/1) rồi chiết phân bố lần lượt bằng các dung môi *n*-hexan, dichloromethan, ethyl acetat. Sau khi cất loại dung môi dưới áp suất giảm thu được các cặn chiết *n*-hexan (60 g), dichloromethan (28 g), ethyl acetat (18 g) và dịch nước còn lại.

Từ 15,0 g cặn chiết ethyl acetat tiến hành sắc ký cột trên silicagel pha thường với hệ dung môi rửa giải acetone:chloroform: methanol

3/1/0,1; thu được sáu phân đoạn A (2,2 g), B (1,6 g), C (800 mg), D (1,4 g), E (1,2), F(1,6 g). Phân đoạn A phân tách trên sắc ký cột pha thường, hệ dung môi CHCl₃ - MeOH (20:1) thu được 3 phân đoạn chính (A1, A2, A3). Phân đoạn A1 được phân tách qua cột sắc ký pha thường, dung môi CHCl₃ - MeOH (15:1) thu được 4 phân đoạn nhỏ A1.1, A1.2, A1.3 và A1.4. Khi tách phân đoạn A1.1 bằng sắc ký cột pha đảo, hệ dung môi MeOH: H₂O (3:2, v/v) thu được hợp chất **1** (15 mg). Phân đoạn A1.2 được phân tách trên cột sắc ký pha thường, với hệ dung môi rửa giải CH₂Cl₂ : Aceton (2:1, v/v) thu được hợp chất **2** (20mg). Phân đoạn A1.3 được phân tách bằng sắc ký cột pha đảo, với hệ dung môi rửa giải ACN: H₂O (90:10, v/v) thu được hợp chất **3** (12mg).

3. Kết quả và thảo luận

Hợp chất 1:

Tinh thể màu trắng; *t*_{nc} = 280-283 °C;

IR (KBr) ν_{\max} (cm⁻¹): 3332, 1720, 1648, 890; ESI-MS *m/z* 469 [M]⁺

¹H-NMR (400 MHz, pyridine-*d*₅) (δ ppm): 4,88 (2H, *br s*, H-31); 3,41 (1H, *t*, *J*=10,5 Hz, H-3); 2,62 (1H, *td*, *J*=10,5; 7,0 Hz, H-20); 2,49-2,39 (1H, *m*, H-17); 2,33-2,23 (2H, *m*, H-23, 25); 2,09-2,04 (1H, *m*, H-7β, 16, 22); 2,01-1,91 (2H, *m*, H-8, 11, 12); 1,81 (2H, *dt*, *J*=7,5, 3,5 Hz, H-2); 1,67 (1H, *m*, H-6α, 15α); 1,65 (3H, *s*, H-27); 1,62-1,44 (1H, *m*, H-6β, 7α); 1,60 (3H, *d*, *J*=7 Hz, H-26); 1,27 (1H, *td*, *J*=12,5 Hz, H-15β); 1,23 (3H, *s*, H-30); 1,18 (1H, *s*, H-1α); 1,14 (1H, *dd*, *J*=11 Hz, H-5); 1,06 (3H, *s*, H-18); 1,00 (3H, *s*, H-19);

¹³C-NMR (100 MHz, pyridine-*d*₅) (δ ppm): 191,3 (C-21); 155,9 (C-24); 135,4 (C-8), 134,3 (C-9); 107,0 (C-31); 78,0 (C-3); 50,9 (C-5); 49,8 (C-14); 49,2 (C-20); 47,7 (C-17); 44,9 (C-13); 39,5 (C-4); 37,4 (C-10); 36,1 (C-1); 34,2 (C-25); 31,8 (C-22); 30,9 (C-15); 29,3 (C-12); 28,7 (C-2); 28,6 (C-29); 27,5 (C-16); 26,8 (C-7); 24,5 (C-30); 22,0 (C-26); 21,9 (C-27); 21,3 (C-11); 19,4 (C-19); 18,7 (C-6); 16,4 (C-18).

Hợp chất 2:

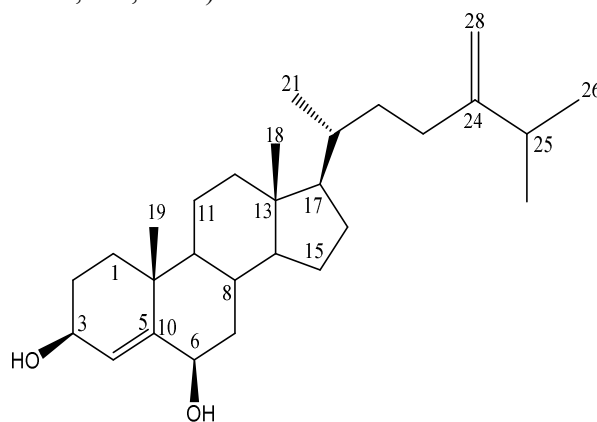
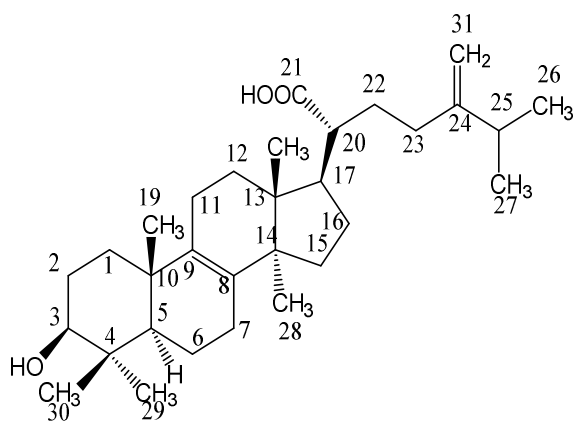
Chất bột vô định hình, màu trắng. $[\alpha]_D^{25} = -21,0$ (c=0,1, CHCl₃)

Công thức phân tử: C₂₈H₄₆O₂. Khối lượng phân tử: 414

¹³C-NMR (125 MHz, CDCl₃) (δ ppm): 39,7(C-1); 30,1(C-2); 73,7(C-3); 129,9(C-4); 147,1(C-5); 67,5(C-6); 37,7(C-7); 28,4(C-8); 55,0(C-9); 37,3(C-10); 21,3(C-11); 40,7(C-12); 42,8(C-13); 56,4(C-14); 24,5(C-15); 28,5(C-16); 56,3(C-17); 12,2(C-18); 21,6(C-19); 36,0(C-20); 18,9(C-21); 35,0(C-22); 30,1(C-

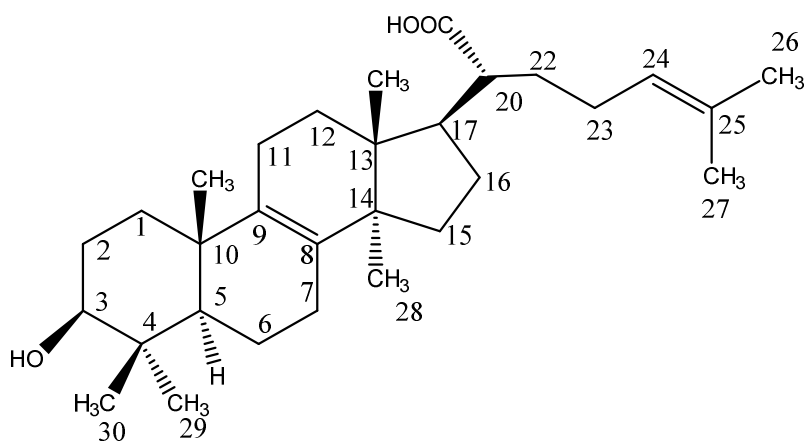
23); 156,7(C-24); 34,0(C-25); 22,6(C-26); 22,1(C-27); 106,6(C-28).

¹H-NMR (500 MHz, CDCl₃) (δ ppm): 1,16(1H, m, H-1); 1,97(1H, m, H-2); 5,99(1H, s, H-4); 1,38(1H, m, H-7); 1,52(1H, m, H-8); 0,87(1H, m, H-9); 1,49 (1H, m, H-11); 1,28 (1H, m, H-12); 1,13 (1H, m, H-15); 1,23(1H, m, H-16); 0,72(1H, s, H-18); 1,54(1H, s, H-19); 1,41(1H, m, H-20); 0,99(1H, d, J= 6,5Hz, H-21); 1,22(1H, m, H-22); 1,97(1H, m, H-23); 2,28(1H, m, H-25); 0,88(1H, d, J=6,5Hz, H-26); 0,89(1H, d, J=6,5Hz, H-27); 4,84(1H, d, J=8,0Hz, H-28).



Hợp chất 1: Acid eburicoic

Hợp chất 2: 24-Methylenecholest-4-en-3β,6β-diol



Hợp chất 3: Acid 3β-hydroxylanosta-8,24-dien-21-oic

Hình 1. Cấu trúc của các hợp chất 1-3.

Hợp chất 3:

Tinh thể màu trắng; $t_{nc} = 258-260^{\circ}\text{C}$;

IR (KBr) ν_{max} (cm^{-1}): 3200 (-OH), 1718, 1632; ESI-MS m/z 455 $[\text{M}]^{+}$;

$^1\text{H-NMR}$ (400 MHz, pyridine- d_5) (δ ppm): 5,32 (1H, *t*, H-24); 3,40 (1H, *t*, $J=9,5\text{Hz}$, H-3); 2,61 (1H, *td*, $J=9,5$; 4,0 Hz, H-20); 2,46-2,35 (2H, *m*, H-16, 17, 23a); 2,29-2,25 (1H, *m*, H-23b); 2,06 (2H, *t*, $J=5,5$; 3,5 Hz, H-7); 1,97-1,92 (2H, *m*, H-11, 12, 22a); 1,85-1,44 (1H, *m*, H-1b); 1,81 (2H, *dt*, $J=9,5$; 4,0 Hz, H-2); 1,80 (1H, *dt*, $J=9,5$; 4,0 Hz, H-1a); 1,78-1,68 (1H, *m*, H-6, 15a, 22b); 1,65 (3H, *s*, H-27); 1,60 (3H, *s*, H-26); 1,26 (1H, *td*, H-15); 1,23 (3H, *s*, H-30); 1,15 (1H, *t*, H-5); 1,06 (3H, *s*, H-18, 28); 1,00 (3H, *s*, H-19); 0,99 (3H, *s*, H-29).

$^{13}\text{C-NMR}$ (100 MHz, pyridine- d_5) (δ ppm): 178,7 (C-21); 135,0 (C-8); 134,3 (C-9); 131,7 (C-25); 124,9 (C-24); 77,8 (C-3); 50,9 (C-5); 49,8 (C-14); 49,1 (C-20); 47,7 (C-17); 44,9 (C-13); 39,5 (C-4); 37,4 (C-10); 36,1 (C-1); 33,3 (C-22); 30,9 (C-15); 29,4 (C-12); 28,7 (C-2); 28,6 (C-28); 27,5 (C-16); 26,8 (C-7); 26,7 (C-23); 25,8 (C-26); 24,5 (C-30); 21,2 (C-11); 19,4 (C-19); 18,7 (C-6); 17,7 (C-27) 16,4 (C-29); 16,4 (C-18).

Hợp chất 1: Acid eburicoic

Là tinh thể không màu, nhiệt độ nóng chảy $280-283^{\circ}\text{C}$. Phổ khối lượng ESI-MS của hợp chất **1** cho pic ion m/z 469 $[\text{M}]^{+}$ tương ứng với công thức phân tử $\text{C}_{31}\text{H}_{50}\text{O}_3$. Phổ hồng ngoại của hợp chất **1** có dải hấp thụ đặc trưng của nhóm exometylen ($=\text{CH}_2$) tại 890 cm^{-1} ; của nhóm cacbonyl ($\text{C}=\text{O}$) tại 1720 cm^{-1} và của nhóm hydroxyl ($-\text{OH}$) ở 3332 cm^{-1} . Phổ $^1\text{H-NMR}$ của hợp chất **1** cho thấy tín hiệu của 5 nhóm methyl ở độ dịch chuyển δ_{H} 1,06 ppm (H-28), 1,00 ppm (H-29), 1,23 ppm (H-30), 1,60 ppm (H-26), 1,65 ppm (H-27) và hai proton exometylen tại δ_{H} 4,88 ppm và 4,92 ppm (H-31). Ngoài ra, phổ $^1\text{H-NMR}$ còn xuất hiện tín hiệu của proton carbinol tại δ_{H} 3,45 (1H, *t*, H-3). Phổ $^{13}\text{C-NMR}$, DEPT của hợp chất **1** xuất hiện tín hiệu của 31 carbon, bao gồm 5 carbon metin, 10 carbon metilen, 7 carbon methyl, 4 carbon olefinic, 1 cacbonyl và 4 carbon bậc 4. Tín hiệu phổ $^{13}\text{C-NMR}$ của hợp chất **1** cho thấy

tín hiệu của 5 carbon nhóm methyl tại C-18 (δ_{C} 16,4 ppm), C-19 (δ_{C} 19,4 ppm), C-28 (δ_{C} 28,6 ppm), C-29 (δ_{C} 16,4 ppm), C-30 (δ_{C} 24,5 ppm), đồng thời các tín hiệu carbon còn lại cho thấy cấu trúc gồm một hệ thống bốn vòng trong đó có một liên kết đôi tại vị trí C-8 (δ_{C} 135,4 ppm) và C-9 (δ_{C} 134,3 ppm), một liên kết đôi tại C-31 (δ_{C} 107,0 ppm) và C-24 (δ_{C} 155,9 ppm) và một cacbonyl tại C-21 (δ_{C} 191,3 ppm). Phổ $^{13}\text{C-NMR}$ còn xuất hiện tín hiệu tại δ_{C} 78,0 ppm là tín hiệu của C-3 có gắn nhóm hydroxyl. Ngoài ra, trên phổ HMBC cho thấy sự tương tác giữa các proton và carbon trong phân tử của hợp chất **1**. Kết hợp phổ $^1\text{H-NMR}$, $^{13}\text{C-NMR}$ và DEPT, HSQC, HMBC cho thấy hợp chất **1** là một dẫn xuất của lanosterol. Từ số liệu phổ như trên và so sánh với tài liệu [5], có thể xác định cấu trúc của hợp chất **1** là: acid eburicoic.

Hợp chất 2: 24-Methylenecholest-4-en-3 β ,6 β -diol

Hợp chất **2** thu được dưới dạng bột màu trắng. Phổ $^1\text{H-NMR}$ của hợp chất **2** cho biết sự có mặt của 5 nhóm methyl tại δ_{H} 0,72 (3H, *s*, H-18), 1,54 (3H, *s*, H-19), 0,99 (3H, *d*, $J = 6,5\text{ Hz}$, H-21), 0,88 (3H, *d*, $J = 6,5\text{ Hz}$, H-26) và 0,89 (3H, *d*, $J = 6,5\text{ Hz}$, H-27); 1 proton olefin tại δ_{H} 5,99 (1H, *s*, H-4); và 2 proton oxymethine tại δ_{H} 4,55 (2H, *m*). Phổ $^{13}\text{C-NMR}$ của hợp chất **2** cho thấy sự có mặt của 28 carbon bao gồm 5 carbon methyl, 10 methylene, 9 methine và 4 carbon bậc 4. Tương tác HMBC giữa H-26 (δ_{H} 0,88) và H-27 (δ_{H} 0,89) và C-24 (δ_{C} 156,72)/C-25 (δ_{C} 34,08); giữa H-28 (δ_{H} 4,84) và C-23 (δ_{C} 30,19)/C-24 (δ_{C} 156,72)/C-25 (δ_{C} 34,08) gợi ý sự có mặt của liên kết đôi tại C-24/C-28 và hai nhóm methyl tại C-25. Tương tác HMBC giữa H-19 (δ_{H} 1,54) với C-1 (δ_{C} 39,73)/C-5 (δ_{C} 147,15)/C-9 (δ_{C} 55,03)/C-10 (δ_{C} 37,33); giữa H-3 và H-6 (δ_{H} 4,55) đến C-4 (δ_{C} 129,97)/C-5 (δ_{C} 147,15)/C-7 (δ_{C} 30,95)/C-10 (δ_{C} 37,39) cho phép xác định vị trí của 2 nhóm hydroxyl tại C-3 và C-6. Từ các phân tích phổ nêu trên kết hợp so sánh với hợp chất 24- methylenecholest-4-en-3 β ,6 β -diol [6], cho thấy sự giống nhau về số

liệu ^{13}C -NMR ở các vị trí tương ứng. Vì vậy, cấu trúc của hợp chất **2** được xác định là 24-methylenecholest-4-en-3 β ,6 β -diol.

Hợp chất **3**: Acid 3 β -hydroxylanosta-8,24-dien-21-oic

Là chất bột màu trắng, điểm nóng chảy tại 258-260 °C. Phổ khối lượng EI-MS của hợp chất **3** cho pic ion m/z 455 $[\text{M}]^+$ tương ứng với công thức phân tử $\text{C}_{30}\text{H}_{48}\text{O}_3$. Phổ ^1H -NMR của hợp chất **3** có sự xuất hiện của các tín hiệu proton metyl tại 1,06 (3H, s, H-18), 1,00 (3H, s, H-19), 1,60 (H-26), 1,65 (H-27), 1,06 (3H, s, H-28), 0,99 (3H, s, H-29), 1,23 (3H, s, H-30). Phổ ^{13}C -NMR, DEPT của hợp chất **3** cho thấy tín hiệu của 30 carbon trong đó 4 carbon metin, 10 carbon metilen, 7 carbon metyl, 4 carbon olefinic, 1 carbonyl và 4 carbon bậc 4. Các tín hiệu phổ cho thấy cấu trúc của hợp chất **3** cũng bao gồm một hệ thống bốn vòng, trong đó có một liên kết đôi tại vị trí C-8 (δ_{C} 135,0 ppm) và C-9 (δ_{C} 134,3 ppm). Hợp chất **3** có sự xuất hiện tín hiệu của hai carbon olefinic tại C-24 (δ_{C} 124,9 ppm) và C-25 (δ_{C} 134,6 ppm) và một carbonyl tại C-21 (δ_{C} 178,7 ppm). Ngoài ra, trên phổ HMBC cho thấy sự tương tác giữa các proton và carbon trong phân tử **3**. Kết hợp phổ ^1H -NMR, ^{13}C -NMR và DEPT, HSQC, HMBC cho thấy hợp chất **3** là một dẫn xuất của lanosterol. Từ số liệu phổ và so sánh với tài liệu [7], có thể xác định cấu trúc của hợp chất **3** phù hợp với cấu trúc của acid 3 β -hydroxylanosta-8,24-dien-21-oic.

4. Kết luận

Đã sử dụng phương pháp ngâm chiết với dung môi MeOH và phương pháp sắc ký cột phân lập được 3 hợp chất từ phần trên mặt đất của cây Chua me đất hoa vàng thu hái ở tỉnh Hà Tĩnh. Xác định cấu trúc các hợp chất phân lập

được thông qua kết quả đo nhiệt độ nóng chảy, phổ khối, phổ cộng hưởng hạt nhân và so sánh với các dữ liệu công bố của các hợp chất liên quan. Ba hợp chất phân lập được xác định cấu trúc là: Acid eburicoic (**1**), 24-methylenecholest-4-en-3 β ,6 β -diol (**2**), acid 3 β -hydroxylanosta-8,24-dien-21-oic (**3**). Cả 3 hợp chất này đều lần đầu tiên phân lập được từ phần trên mặt đất của cây Chua me đất hoa vàng.

Tài liệu tham khảo

- [1] Iqbal Hussain, Muhammad Imran, Nusrat Hussain, Amjad Hussain, Tooba Mahboob (2013), "Corniculatin A, a new flavonoidal glucoside from *Oxalis corniculata*", Revista Brasileira de Farmacognosia, 23(4), pp: 630-634.
- [2] Đỗ Tất Lợi (2005), Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam, Nxb. Y học, Hà Nội, pp. 236-237.
- [3] Merugu Srikanth, Tadigotla Swetha, Veeresh B (2012), "Phytochemistry and pharmacology of *Oxalis corniculata* Linn: A review", International journal of pharmaceutical sciences and research, 3(11), pp: 4077-4085.
- [4] Muhammad Rashid Khan, Hina Zehra (2013), "Amelioration of CCl_4 -induced nephrotoxicity by *Oxalis corniculata* in rat", Experimental and Toxicologic Pathology, 65(3), pp: 327-334.
- [5] Kirti Sheth, Philip Catalfomo, Leo A. Sciuchetti (1967), "Isolation and identification of eburicoic acid from *Fomes pinicola*", Journal of Pharmaceutical Sciences 56(12), pp.1656-1658.
- [6] Faheem Amir, Yen Chin Koay and Wan Sinn Yam (2012), "Chemical Constituents and Biological Properties of the Marine Soft Coral *Nephthea*", Tropical Journal of Pharmaceutical Research, 11 (3): 499-517
- [7] Rebamang A. Mosa, Adebola O. Oyedeji, Francis O. Shode, Mogie Singh and Andy R. Opoku (2011), "Triterpenes from the stem bark of *Protorhus longifolia* exhibit anti-platelet aggregation activity", African Journal of Pharmacy and Pharmacology, 5(24), pp. 2698-2714.

Compounds Isolated from the Ethyl Acetate Fraction of the Aerial Parts of *Oxalis corniculata* L.

Vu Duc Loi¹, Dang Thi Quynh Nga¹, Do Thi Mai Huong², Nguyen Quoc Huy²

¹VNU School of Medicine and Pharmacy, 144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam

²Hanoi University of Pharmacy, 13-15 Le Thanh Tong, Hoan Kiem, Hanoi, Vietnam

Abstract: The ethyl acetate fraction of the aerial parts of *Oxalis corniculata* L. (collected in Ha Tinh province) isolated three compounds (1-3) by chromatographic methods. Their structures were elucidated by spectroscopic methods, including MS and NMR. These compounds were identified as: Eburicoic acid (1); 24-methylenecholest-4-ene-3 β , 6 β -diol (2); and 3 β -hydroxylanosta-8,24-dien-21-oic acid (3). These compounds were, for the first time, isolated from the aerial parts of *Oxalis corniculata* L.

Keywords: *Oxalis corniculata*, eburicoic, 24-methylenecholest-4-ene-3 β , 6 β -diol, 3 β -hydroxylanosta-8,24-dien-21-oic.